

**HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỦY SẢN VIỆT NAM**



Số: 55/2017/CV-VASEP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

V/v Báo cáo và kiến nghị giải quyết các vướng
mắc trong việc tuân thủ các quy định về bảo vệ
môi trường tại nhà máy thủy sản

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các doanh nghiệp thủy sản hội viên trên toàn quốc chân thành cảm ơn Quý Bộ đã luôn hỗ trợ VASEP và các DN thủy sản trong thực hiện tốt các quy định quản lý, bảo vệ môi trường và tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong cả các quy định và quá trình thực thi thời gian qua.

Trong năm 2016 và 3 tháng đầu năm 2017, Hiệp hội VASEP đã nhận được nhiều phản ánh kiến nghị của các DN thành viên về một số bất cập tồn tại trong thực thi các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Trên tinh thần của Nghị quyết 19/2016, Nghị quyết 19/2017/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, Hiệp hội VASEP đã tổ chức họp các DN thủy sản ngày 24/2/2017 tại Tp. Hồ Chí Minh và xin báo cáo, kiến nghị một số nội dung như sau:

I. Các bất cập, vướng mắc về chất thải rắn trong nhà máy chế biến thủy sản:

Theo phản ánh của các DN, các DN đã có hợp đồng với đơn vị thu gom, tái chế để xử lý rác thải công nghiệp (bao bì carton hư hỏng, nylon, sắt vụn, nhựa,...) và mỗi lần giao nhận rác thải công nghiệp với đơn vị thu gom đều có hóa đơn/chứng từ. Tuy nhiên, đoàn Thanh tra môi trường của Tổng cục Môi trường lại yêu cầu DN phải cung cấp cho Đoàn hồ sơ chứng minh về việc đã xử lý, tái chế rác thải công nghiệp của đơn vị thu gom, nếu không doanh nghiệp sẽ bị phạt. Trong nhiều trường hợp, nhất là ở các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, đơn vị thu gom từ chối không cung cấp hồ sơ này cho DN và tại nhiều địa phương cũng không có cơ sở thu gom nào có đủ hồ sơ như yêu cầu.

Kiến nghị: Bộ TNMT xem xét điều chỉnh để nếu tại địa phương không có cơ sở thu gom, tái chế, xử lý rác thải công nghiệp cung cấp được hồ sơ chứng minh hoạt động tái chế, xử lý rác thải của họ thì không phải là cơ sở để xử phạt DN chế biến thủy sản.

II. Các vướng mắc về xử lý nước thải trong nhà máy chế biến thủy sản:

1. Về QCVN được áp dụng:

Nếu nhà máy nằm ngoài các khu công nghiệp (KCN) thì áp dụng theo quy chuẩn QCVN 11:2015/BTNMT đặc thù cho nhà máy chế biến thủy sản. Trong khi đó, các nhà máy chế biến thủy sản nằm trong KCN thì phải áp dụng theo QCVN 40: 2011/BTNMT về nước thải công nghiệp, không được áp dụng QCVN 11:2015/BTNMT. Đây chính là sự bất hợp lý, tạo ra sự không công bằng giữa các DN trong KCN và các DN nằm ngoài KCN.

Kiến nghị: Bộ TNMT rà soát và xem xét để các nhà máy được áp dụng công bằng qua việc quy định cho phép các NM trong KCN khi đầu nối vào hệ thống nước thải tập trung của KCN thì được áp dụng theo QCVN 11:2015/BTNMT.

2. Về bùn thải:

Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải của các DN chế biến thủy sản **không phải là bùn thải nguy hại**. Do nguồn nguyên liệu của các doanh nghiệp chế biến hải sản là cá biển, tôm và các loại thủy sản khác nên thành phần hữu cơ chiếm đa số. Vì vậy, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chế biến thủy sản là các chất hữu cơ tạp dư không có chứa nhiều kim loại nặng theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ

quá trình xử lý nước. Cả danh mục 15 thông số (1-15) kiểm tra bùn thải thông thường trong QCVN 50:2013 không có chất liên quan đến quy trình hóa lý.

Tinh thần này cũng đã được Bộ Tài nguyên Môi trường ghi nhận tại văn bản số 2178/BTNMT-TCMT ngày 27/6/2012 (phản hồi công văn báo cáo-kiến nghị số 49/2012/CV-VASEP) với tinh thần ghi nhận, chia sẻ những khó khăn mà các DN chế biến thủy sản thuộc loại hình chế biến đặc thù gặp khó khăn trong việc thực hiện các quy định về quản lý môi trường.

Tuy nhiên, nhiều DN thủy sản lại đang chịu việc phân tích bùn thải vì CQQL cho rằng bùn thải từ xử lý nước sau chế biến thủy sản là nguy hại. Trong khi đó, chi phí phân tích bùn thải của các nhà máy khá cao, lên tới 60 – 80 triệu/năm, gia tăng thêm gánh nặng chi phí cho DN trong bối cảnh chi phí của DN trong những năm qua đang ngày càng tăng cao.

Kiến nghị: Bộ TN-MT rà soát và chỉ đạo bỏ không kiểm tra các chỉ tiêu trong bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy chế biến thủy sản do bùn thải này không phải là bùn thải nguy hại.

3. Về các chỉ tiêu Nitơ, Phospho trong nước thải: Qua vận hành tuân thủ 3 năm qua, các thực tế và bất cập được ghi nhận như sau:

- Nước thải của các nhà máy chế biến tôm đi Mỹ có chỉ tiêu Phospho cao (từ 2-3 lần đến 8-9 lần so với QCVN 11:2015) do yêu cầu của khách hàng Mỹ đòi hỏi sử dụng nhiều Phosphate trong quá trình chế biến. Việc xử lý Phospho theo đúng yêu cầu làm cho DN tốn chi phí rất lớn nhưng nước thải sau xử lý vẫn không thể đạt được theo QCVN yêu cầu.

- Xử lý Phospho rất khó do nếu DN sử dụng nước ngầm trong sản xuất thì chỉ tiêu Phospho có sẵn trong nước nhiều khi đã lên mức 19 mg/l (QCVN 11:2015 cho phép chỉ tiêu Phospho trong nước thải là 20 mg/l) nên sau quá trình SX của DN thì mức Phospho đã vượt quá mức cho phép theo quy định của QCVN 11:2015.

- Các nước khác tại ASEAN không quy định chỉ tiêu Phospho trong Tiêu chuẩn về nước thải trong khi ở Việt Nam lại quy định – điều này gây ảnh hưởng bất lợi tới khả năng cạnh tranh của DN Việt Nam.

- Tại các công ty chuyên SX Surimi, nước rửa cá thường có dư lượng Phospho và Nitơ rất cao, đặc biệt là dư lượng Nitơ (*do công nghệ chế biến đòi hỏi phải sử dụng nước để rửa trôi các protein hòa tan trong thịt cá*). Do đó gần như không có Nhà máy Surimi nào đạt chỉ tiêu Nitơ, mà thường vượt ngưỡng dư lượng tối đa cho phép của QCVN.

- Đoàn Thanh tra môi trường lấy mẫu kiểm tại 3 thời điểm khác nhau và các mẫu này cho các kết quả phân tích khác nhau, nhưng Đoàn lại chọn giá trị vi phạm cao nhất để xử phạt DN.

Kiến nghị:

- Bộ TN-MT xem xét điều chỉnh nâng giới hạn tối đa của chỉ tiêu Phospho và Nitơ tại QCVN 11:2015 và có lộ trình cho phép để DN thủy sản có thể hạ dần dư lượng Phospho và Nitơ trong nước thải sau xử lý của DN xuống đạt giới hạn tối đa cho phép.

- Các đoàn Thanh tra Môi trường nên lấy kết quả trung bình của các mẫu kiểm để làm căn cứ xử phạt nhằm đảm bảo công bằng cho các DN.

III. Các vấn đề chung:

1. Về *Phương án Bảo vệ Môi trường*: theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016, các Nhà máy thuộc diện phải làm Báo cáo ĐTM (đối tượng thuộc Điều 21 Thông tư 31/2016 và Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP) đều phải làm Phương án Bảo vệ môi trường.

Kiến nghị: Bộ TNMT chỉ đạo & cho phép nếu nhà máy chưa có Báo cáo ĐTM thì phải làm Phương án Bảo vệ Môi trường, còn các Nhà máy đã có ĐTM thì không cần phải làm Phương án Bảo vệ Môi trường. Không áp dụng đồng loạt gây tổn kém nguồn lực và chi phí cho xã hội.

2. *Vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT; khung pháp lý cho thủ tục đánh giá của Cơ quan Môi trường:*

- Các DN đều có báo cáo định kỳ 1-2 lần/năm theo Báo cáo ĐTM lên Sở TNMT, nhưng rất nhiều trường hợp DN không nhận được phản hồi nào từ Sở. Tuy nhiên, khi đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đến đánh giá thì kết luận là DN sai. Như vậy, vai trò của Sở TNMT quản lý và hỗ trợ DN trong công tác BVMT là như thế nào khi mà Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đều áp tất cả các lỗi cho DN trong khi nhiều vấn đề về hồ sơ/thủ tục giữa DN và Sở TNMT đều đã được phản ánh, báo cáo tới Sở nhưng Sở không có bất cứ phản hồi nào trong thời gian liên quan trước đó.

- Một số nhà máy có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và đã có văn bản báo cáo và xin phép gửi tới Sở TNMT. Trong thời gian cải tạo, nâng cấp này, dung lượng nước xả thải của nhà máy không đạt chuẩn cũng rất hạn chế và chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn (*do Nhà máy vẫn phải duy trì một phần SX để đảm bảo đơn hàng và đời sống cho người lao động*). Tuy nhiên, khi Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường tiến hành thanh tra trong thời gian đơn vị đang cải tạo, xử lý hệ thống nước thải đã đánh giá nước thải của DN không đạt nên đã xử phạt DN và Sở TNMT cũng không có bất cứ động thái nào bảo vệ quyền lợi của DN.

Kiến nghị: Bộ TNMT chỉ đạo và làm rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT trong việc quản lý, cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ các vấn đề về môi trường đối với các DN trong trách nhiệm của Sở TNMT.

3. *Giá trị pháp lý các số liệu quan trắc online:*

Theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT quy định đối với nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm thì phải lắp hệ thống quan trắc tự động. Nhưng con số quan trắc online có được Bộ TNMT công nhận giá trị pháp lý hay không thì trong Thông tư 31 hay các văn bản pháp lý khác của Bộ TNMT đến nay đều không nêu rõ.

Kiến nghị: Bộ TNMT rà soát và ban hành khung pháp lý rõ ràng hơn về tính pháp lý các con số đo được từ hệ thống quan trắc tự động với những nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm.

Hiệp hội VASEP trân trọng báo cáo và kính đề nghị Quý Bộ xem xét, sớm có chỉ đạo và biện pháp giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc nêu trên tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh cho cộng đồng doanh nghiệp thủy sản.

Thông tin chi tiết và nhận phản hồi, xin vui lòng liên hệ: ông Nguyễn Hoài Nam – Phó TTK VASEP, tel: 04.37715055, email: namnh@vasep.com.vn và mob: 0983609228.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường;
- Hội đồng TVCCTTHC;
- Chủ tịch và các PCT HH;
- VPĐD HH;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI**



Trương Đình Hòa